TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2018/DS-ST
Ngày: 24-09-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp

2. Bà Trần Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 681/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 08 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Nam T, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 43-45 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 35/3 Đường D (Số mới 364/51/1 đường E), Phường F, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 08 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Nam T trình bày: Ngày 22/5/2017 ông Trần Nam T cho ông Phạm Hồng Th mượn số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 2 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 5%/tháng. Đến hạn trả nợ ông T không trả và hứa hẹn nhiều lần. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ông T nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy mượn tiền ngày 22/5/2017, chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông T, chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông T, phiếu gửi bưu điện cho ông T ngày 08/08/2017.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Th và triệu tập ông Th đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Th không đến Tòa và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy: Ngày 22/5/2017 ông T có vay của ông Th số tiền 75.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng. Đến hạn ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th trả nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo giấy mượn tiền ngày 22/05/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường F, quận Gò Vấp, ông Th có hộ khẩu thường trú tại số 207 đường E, Phường F, quận Gò Vấp. Năm 2014 ông Th cùng gia đình có chuyển về địa chỉ số 35/3 Đường số D, Phường F, quận Gò Vấp (nay là số 364/51/1 đường E, Phường F, quận Gò Vấp). Từ đầu năm 2017 ông Th không còn cư ngụ tại địa chỉ 35/3 Đường D, Phường F, quận Gò Vấp. Hiện gia đình không biết ông Th ở đâu. Bị đơn thay đổi nơi cư trú không thông

báo địa chỉ mới cho cơ quan người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Th tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Th vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) theo giấy mượn nợ ngày 22/5/2017. Xét, bị đơn không đến tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là sự thật nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 75.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi suất:

Giấy mượn tiền ngày 22/5/2017 không ghi lãi suất nhưng phía ông T cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 5%/tháng (60%/năm), thời hạn vay là 02 tháng, trong quá trình vay ông Th chưa trả khoản tiền lãi nào. Xét, từ khi nguyên đơn khởi kiện đến nay Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có mặt hòa giải cũng như xét xử, điều này cho thấy bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi suất. Tuy nhiên, lãi suất hai bên thỏa thuận 60%/năm là không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải điều chỉnh lại lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm. Xét, Giấy mượn tiền ngày 22/5/2017 có thời hạn mượn là 02 tháng. Do đó, lãi suất trong hạn và quá hạn được tính như sau:

Lãi trong hạn: 75.000.000đ x (20%:12) x 2 = 2.500.000 đồng (1)

Tiền lãi của số tiền lãi trong hạn (2.500.000đ) chậm trả:

2.500.000đ x (10%:12) x 14 tháng 2 ngày = 293.055 đồng (2)

Tiền lãi đối với số tiền vốn vay quá hạn:

75.000.000đ x (30%:12) x 14 tháng 2 ngày = 26.375.000 đồng (3)

Tổng số tiền lãi phải trả: (1) + (2) + (3) = 29.168.055 đồng

Như vậy, tổng cộng số tiền ông Th phải trả cho ông T bao gồm cả gốc và lãi là: 75.000.000đ + 29.168.055 đồng = 104.168.055 đồng.

Về thời hạn trả: Do bị đơn đã vi phạm hợp đồng làm thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 104.168.055 đồng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.208.402 đồng. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Phạm Hồng Th phải trả cho ông Trần Nam T số tiền 104.168.055đ (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm sáu mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng). Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày ông Trần Nam T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phạm Hồng Th chưa thực hiện việc trả tiền thì hàng tháng ông Th còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Hồng Th phải chịu 5.208.402đ (Năm triệu hai trăm lẻ tám ngàn bốn trăm lẻ hai đồng). Hoàn lại số tiền 2.110.000đ (Hai triệu một trăm mười ngàn đồng) cho ông Trần Nam T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0028054 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP.HCM.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền